

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27- 4- 2018

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Văn Hạnh.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngụy Thế Xuân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27/4/2018, tại phòng xử án Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét số 07/2018/QĐST- HNGĐ ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn L; Địa chỉ: đường Hùng V, tổ dân phố X, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Kim H; Địa chỉ: đường Huỳnh Tấn P, tổ dân phố Y, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2017 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và cô Trần Thị Kim H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31/5/2010 tại UBND xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng tôi sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến khoảng tháng 9 năm 2013 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2013. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi xin được ly hôn với cô Trần Thị Kim H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là Phạm Trần Bảo Tr - sinh ngày 31/7/2011 hiện nay cháu đang ở với cô H, tôi đồng ý để cô H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Kim H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án: Ngày 28/11/2017 anh Phạm Văn L nộp đơn khởi kiện, ngày 07/12/2017 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của anh Phạm Văn L là đúng trình tự thủ tục theo điều 191, điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trần Thị Kim H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31/5/2010 tại UBND xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh L, chị H sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến tháng 9 năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung nên anh L, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Anh L, chị H đã sống ly thân từ tháng 9/2013 cho đến nay. Mặt khác tại biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thì vợ chồng anh L, chị H đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2013 đến nay không ai quan tâm đến ai. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Văn L và chị Trần Thị Kim H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh Phạm Văn L được ly hôn với chị Trần Thị Kim H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng:

[5.1] Về nuôi con chung: Anh L, chị H có 01 con chung là cháu Phạm Trần Bảo Tr, sinh ngày 31/7/2011. Xét thấy hiện nay cháu Tr còn nhỏ và đang sinh sống ổn định với chị H. Mặt khác anh L đồng ý giao cháu Tr cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phạm Trần Bảo Tr cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tr đủ tuổi thành niên là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu Tr, anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 58;81;82;83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7]Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; các điều 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn L. Anh Phạm Văn L được ly hôn với chị Trần Thị Kim H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Trần Bảo Tr, sinh ngày 31/7/2011 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003917 ngày 06/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã D;
- Chi cục THA dân sự TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm